

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-PT

Ngày: 14-01-2025

"V/v tranh chấp về giao dịch dân sự,  
hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 889/2024/TLPT- DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc: "*tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 561/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3609/2024/QĐ-PT, ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Thai Hang S, sinh năm 1955. Địa chỉ: G Lawrence M, New Zealand.

**Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn:** bà Trần Thị M, sinh năm 1965. Địa chỉ: 1 T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Bị đơn:** ông Thái Trung T, sinh năm 1976. Địa chỉ: 1 M, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty TNHH MTV S1. Địa chỉ: 2 A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện theo pháp luật của công ty S1:** ông Thái Trung T, sinh năm 1976. Địa chỉ: 1 M, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Thái Trung T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Đại diện nguyên đơn trình bày*: ông Thai Hang S có cho ông T1 Trung Tính vay số tiền là 48.000 USD tương đương với 960.000.000 đồng, hai bên có lập biên nhận tiền và các phiếu chi số 01 ngày 03/12/2010 và phiếu chi số 003 ngày 29/12/2010. Biên nhận tiền không có thỏa thuận về thời gian ông T phải trả tiền lại cho ông Thai Hang S. Ông Thai Hang S có nhiều lần trực tiếp gặp ông T yêu cầu ông T trả số tiền trên nhưng ông T không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T1 Trung Tính trả số tiền là 48.000 USD quy ra tiền đồng Việt Nam.

\* *Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày*: bị đơn có nhận của nguyên đơn số tiền 2.000 USD vào ngày 02/11/2010, 10.000 USD vào ngày 11/11/2010, 10.000 USD vào ngày 19/10/2010, 15.000 USD vào ngày 25/10/2010 theo biên nhận tiền và 8.000 USD theo phiếu chi số 01 ngày 03/12/2010, 3.000 USD theo phiếu chi số 003 ngày 29/12/2010 tổng cộng là 48.000 USD. Căn cứ vào sổ thu chi của công ty TNHH một thành viên S2-TM Nguyên Thuận, phía bị đơn khẳng định số tiền này là ông Thai Hang S đã góp vốn đầu tư vào công ty và đã điều hành mọi hoạt động thu chi của công ty T2 khoảng thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 12/2010 cho nên số tiền 48.000 USD không phải là số tiền vay mà là số tiền ông Thai Hang S hùn để hợp tác với công ty S1 của bị đơn để làm ăn. Ông Thái Trung T chỉ đại diện cho công ty S1 nhận tiền nên nếu nguyên đơn khởi kiện cá nhân ông T thì bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 531/2014/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Buộc ông Thái Trung T trả cho ông Thai Hang S số tiền 1.013.760.000 đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/6/2014, ông Thái Trung T kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 191/2016/DS-PT ngày 24/8/2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 531/2014/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 08 tháng 3 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án số 274/2017/TLST-DS về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

\* Đại diện của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn ông Thai Hang S có cho bị đơn ông Thái Trung T vay nhiều lần tổng cộng là 48.000 USD cụ thể: 2.000 USD vào ngày 02/11/2010, 10.000 USD vào ngày 11/11/2010, 10.000 USD vào ngày 19/10/2010, 15.000 USD vào ngày 25/10/2010 theo các biên nhận nhận tiền và 8.000 USD theo phiếu chi số 01 ngày 03/12/2010, 3.000 USD theo phiếu chi số 003 ngày 29/12/2010. Nguyên đơn và bị đơn không lập hợp đồng vay tiền mà bị đơn chỉ lập biên nhận và phiếu thu để giao nhận tiền. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đồng Việt nam tương đương với 48.000 USD tại thời điểm xét xử. Khi hỏi vay tiền bị đơn có đưa cho nguyên đơn hàng và hợp đồng hùn vốn của công ty S1 với một công ty khác làm tin để vay tiền chứ không phải hợp đồng giữa nguyên đơn và công ty S1. Vì vậy, tại các biên nhận nhận tiền mới có nội dung căn cứ hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất quần áo lót với công ty S1. Nguyên đơn khẳng định giữa nguyên đơn và công ty S1 hoàn toàn không có hợp đồng hợp tác đầu tư hay góp vốn nào cũng không có việc nguyên đơn đưa tiền cho bị đơn để góp vốn đầu tư với công ty S1. Các giấy chứng nhận góp vốn và quyết định về việc bổ nhiệm ông Thai Hang S làm phó giám đốc của công ty S1 là do bị đơn tự tạo lập ra, hoàn toàn không có thật. Nguyên đơn hoàn toàn không biết và không nhận được các văn bản này nên không có việc nguyên đơn tham gia điều hành hoạt động của công ty S1. Các kết luận giám định của T3 đã xác định các chữ ký tại sổ thu chi của công ty S1 do bị đơn cung cấp không phải là chữ ký của nguyên đơn; điều này khẳng định nguyên đơn không góp vốn và không điều hành hoạt động của công ty S1 như bị đơn trình bày. Trước khi khởi kiện tại tòa, ông S đã có nhờ cơ quan công an giải quyết số nợ giữa ông S và ông T nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung. Ông Thai Hang S ở nước ngoài, phương tiện đi lại khó khăn và bận công việc nên không thể về trực tiếp giải quyết vụ án. Ông Thai Hang S đã ủy quyền cho bà M tham gia tố tụng, đã thông báo cho bà M biết toàn bộ nội dung, tình tiết của vụ việc. Bà M được đại diện ông S trình bày ý kiến, trả lời, đối đáp mọi vấn đề do bị đơn nêu ra liên quan đến việc giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có thiện chí hòa giải nhưng bị đơn không có thiện chí hòa giải nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đồng Việt nam tương đương với 48.000 USD tại thời điểm xét xử.

\* Bị đơn ông Thái Trung T đồng thời là đại diện theo pháp luật của công ty TNHH MTV S1 trình bày: bị đơn có đơn yêu cầu hủy ủy quyền với ông Vũ Duyên H, bị đơn sẽ trực tiếp tham gia tố tụng, bị đơn cũng thông báo bị đơn không nhờ luật sư Trần Văn C bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Công ty S1 do ông Thái Trung T là người đại diện theo pháp luật của công ty sẽ tham gia trực tiếp. Bị đơn xác nhận có nhận của nguyên đơn ông Thai Hang S số tiền tổng cộng là 48.000 USD cụ thể: 2.000 USD vào ngày 02/11/2010, 10.000 USD vào ngày 11/11/2010, 10.000 USD vào ngày 19/10/2010, 15.000 USD vào ngày 25/10/2010 theo các biên nhận nhận tiền và 8.000 USD theo phiếu chi số 01 ngày 03/12/2010, 3.000 USD theo phiếu chi số 003 ngày 29/12/2010. Bị đơn xác nhận các chữ viết và chữ ký tại các biên nhận nhận tiền và phiếu chi do nguyên đơn nộp là của bị

đơn. Tuy nhiên, các khoản tiền này là ông S góp vốn vào công ty S1, bị đơn đại diện công ty S1 ký nhận tiền, tại các biên nhận và phiếu thu chỉ có chữ ký của bị đơn không đóng dấu công ty vì nguyên đơn yêu cầu không đóng dấu tại các chứng từ này. Nguyên đơn và bị đơn cũng như công ty S1 không cùng ký hợp đồng góp vốn nào mà chỉ nói miệng vì lúc đó mới là giai đoạn đầu của việc thành lập công ty nên nguyên đơn giao tiền cho bị đơn với tư cách đại diện công ty S1 để mua trang thiết bị và ký xác nhận các khoản chi vào sổ thu chi của công ty. Giữa nguyên đơn, bị đơn và công ty S1 không xác định tỷ lệ góp vốn, quyền lợi và trách nhiệm của bên góp vốn là nguyên đơn đối với doanh thu và thiệt hại của công ty nếu có. Công ty S1 cũng chưa từng chi bất cứ khoản lợi nhuận nào cho nguyên đơn. Tại các biên nhận tiền có lúc ông T ghi ông Thái Trung T – Chủ tịch HĐQT của công ty S1, có lúc ghi là Đồng sự của công ty S1 là do nhầm lẫn. Chức danh của ông T1 Trung Tính là giám đốc của công ty TNHH MTV S1. Công Ty S1 có ban hành các giấy chứng nhận góp vốn xác nhận ông Thai Hang S có góp vốn vào công ty và quyết định về việc bổ nhiệm Phó giám đốc điều hành công ty, có giao các văn bản này cho ông S nhưng không có chứng cứ chứng minh là đã giao cho ông S. Công ty S1 không gửi các văn bản này cho Sở Kế hoạch đầu tư và không đăng ký thay đổi bổ sung thành viên công ty. Ngoài sổ thu chi của công ty S1 mà bị đơn đã nộp, bị đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh nguồn tiền mà ông S giao cho bị đơn được dùng vào hoạt động của công ty và nguyên đơn tham gia điều hành hoạt động của công ty S1. Bị đơn yêu cầu triệu tập ông S về đối chất với bị đơn để hòa giải. Bị đơn không đồng ý trả tiền cho nguyên đơn theo yêu cầu của nguyên đơn.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 561/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Thai Hang S.

Buộc ông Thái Trung T trả cho ông Thai Hang S số tiền 1.186.560.000 đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2024, bị đơn ông Thái Trung T có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm;

**Trong phần tranh luận:**

*Ông Thái Trung T giữ nguyên kháng cáo và trình bày:* khi ông S tới thì có người đi cùng nên tôi muốn nhờ người này đứng ra làm chứng cho việc góp vốn của ông S. Việc ông S cho rằng chỉ là cho tôi vay là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Bà Trần Thị M trình bày:* Phía nguyên đơn xin giữ nguyên quan điểm như đã trình bày xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Tại phiên tòa, bị đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Thái Trung T thực hiện đúng theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Thai Hang S vắng mặt đã có người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị M nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định trình tự, thẩm quyền, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là phù hợp theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Thái Trung T:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Thái Trung T thừa nhận có nhận của ông Thai Hang S số tiền 48.000 USD. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng số tiền 48.000 USD mà ông đã nhận của ông Thai Hang S không phải là số tiền vay mà là số tiền ông Thai Hang S góp vốn hợp tác làm ăn với Công ty TNHH MTV S1, không phải là cá nhân ông T nhận nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.2] Căn cứ vào kết luận giám định số 2204/C54-P5 ngày 16/9/2013 của T3 – Tổng cục cảnh sát P kết luận chữ viết bằng chữ Trung Quốc trên biên nhận và chữ ký của ông Thai Hang S trên sổ thu chi của công ty S1 do phía bị đơn cung cấp là không phải cùng một người viết ra. Ngoài sổ thu chi của công ty S1 mà bị đơn đã cung cấp, bị đơn không giao nộp được chứng cứ nào khác chứng minh nguồn tiền mà ông S giao cho bị đơn được dùng vào hoạt động của công ty và nguyên đơn tham gia điều hành hoạt động của công ty S1. Nguyên đơn xác định khoản tiền nguyên đơn giao cho ông T1 Trung Tính là khoản tiền vay của cá nhân ông T, không thừa nhận có việc góp vốn vào công ty S1. Bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh có hợp đồng góp vốn giữa Công ty S1 và ông Thai

Hang S nên không có cơ sở xác định số tiền ông Thai Hang S giao cho ông T1 Trung Tính là tiền ông Thai Hang S góp vốn và điều hành hoạt động Công ty Nguyên Thuận như trình bày của ông T.

Mặt khác, bị đơn có cung cấp các giấy chứng nhận góp vốn xác nhận ông Thai Hang S có góp vốn vào công ty và quyết định về việc bổ nhiệm Phó giám đốc điều hành Công ty S1 do công ty S1 ban hành nhưng bị đơn không chứng minh được đã giao các văn bản này cho nguyên đơn để nguyên đơn thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình. Các văn bản trên chỉ có một mình ông T ký và đóng dấu, không có xác nhận của ông S; bị đơn ông T cũng xác nhận không gửi các văn bản này cho Sở kế hoạch đầu tư và không đăng ký thay đổi bổ sung thành viên công ty nên không có căn cứ xác định nguyên đơn có góp vốn vào công ty S1 và tham gia điều hành hoạt động của công ty như bị đơn và đại diện của công ty S1 trình bày.

[4.3] Căn cứ biên nhận nhận tiền và các phiếu chi do nguyên đơn cung cấp thì tại các biên nhận nhận tiền và phiếu chi tiền đều do cá nhân ông T1 Trung Tính ký tên, không có con dấu của Công ty S1. Hơn nữa, tại các biên nhận này thể hiện lúc thì ông T ký nhận với tư cách ông T là Đ sự trưởng của công ty S1, lúc lại ký nhận với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty S1. Trong khi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH MTV S1 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp lần đầu ngày 12/6/2009 thì Công ty TNHH MTV S1 tên chủ sở hữu: Thái Trung T, chức danh: Giám đốc nên việc bị đơn cho rằng ông T đại diện cho Công ty S1 nhận số tiền 48.000 USD là không có cơ sở.

[5] Xét thấy, ông Thái Trung T thừa nhận có nhận tiền của ông Thai Hang S nhưng cho rằng đây là tiền do ông Thai Hang S góp vốn làm ăn với Công ty chứ không phải do ông T vay mượn. Tuy nhiên, như nhận định trên thì thấy rằng việc ông T cho rằng ông Thai Hang S góp vốn nhưng ông không đưa ra được chứng cứ để chứng minh; ông S cũng không thừa nhận việc này nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông phải trả lại cho ông S số tiền gốc đã nhận và tiền lãi phát sinh là có căn cứ. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Thái Trung T phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Tuyên xử:*

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thái Trung T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 561/2024/DS-ST ngày 22 tháng 08 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**2.** Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Thái Trung T phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0041299 ngày 19/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**

**Nguyễn Thị Thúy Hòa**

**Lê Văn An**